

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 10 – ĐÀ NẴNG**

Bản án số: 125/2025/DSST

Ngày 29 - 8 – 2025

V/v: “Chia di sản thừa kế”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 – ĐÀ NẴNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- **Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa:** Bà Võ Thị Tám.

- **Các hội thẩm nhân dân:** Ông Nguyễn Trường Sơn và ông Lê Trung Thiêng.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thanh Thảo, Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 10 – Đà Nẵng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10 – Đà Nẵng tham gia phiên tòa:** Bà Đỗ Thị Thu Hà.

Ngày 29 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 10 – Đà Nẵng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 56/2022/TLST-DS ngày 15/06/2022 về: “Chia di sản thừa kế”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2025/QĐST-DS ngày 28 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Phạm Văn Đ – sinh năm 1963. CCCD: 049063005845

Địa chỉ: Thôn Bàn Nam, xã Thu Bồn, thành phố Đà Nẵng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Đức: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hồng Phượng, sinh năm 1998. CCCD số: 052198011500.

Địa chỉ: Thôn Kiều An, xã Phù Cát, tỉnh Gia Lai.

Bị đơn:

- Ông Phạm Hồng S – sinh năm 1987.

Địa chỉ: Thôn Bàn Nam, xã Thu Bồn, thành phố Đà Nẵng.

- Ông Phạm Hồng L – sinh năm 1991. CCCD: 049091004943.

Địa chỉ: Thôn Bàn Nam, xã Thu Bồn, thành phố Đà Nẵng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Phạm Văn Đ1, sinh năm 1937.

Địa chỉ: Thôn 3, xã Hoà Phú, tỉnh Đắk Lắk.

- Bà Phạm Thị Mỹ N, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Thôn Bàn Nam, xã Thu Bồn, thành phố Đà Nẵng.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Phạm Văn Đ trình bày:

Mẹ ông Đức là bà Trần Thị B, chết năm 2000. Mẹ ông Đức sinh được 01 người con duy nhất là ông Đức. Cha mẹ bà Bốn là ông Trần Xuyên, chết năm 1938 và bà Trần Thị Xuyên, chết năm 1989. Ngày 25/10/1999, bà Bốn được

UBND huyện Duy Xuyên cấp GCNQSDĐ số N 728253 đối với thửa đất số 203, tờ bản đồ số 14, diện tích 1223m², địa chỉ tại thôn Bàn Nam, xã Duy Châu, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam. Năm 2000, bà Bốn chết không để lại di chúc, ông Đức là người duy nhất thuộc hàng thừa kế thứ nhất nên sẽ hưởng toàn bộ tài sản nêu trên. Khi ông Đức đăng ký trích đo địa chính thửa đất để làm thủ tục khai nhận di sản thừa kế theo pháp luật thì trong quá trình làm thủ tục ông Phạm Hồng S và ông Phạm Hồng L nộp đơn cho UBND huyện Duy Xuyên cho rằng thời điểm cấp GCNQSDĐ thì ông Sơn, ông Linh là thành viên hộ bà Trần Thị B nên yêu cầu được hưởng quyền thừa kế từ bà Bốn. Ông Đức yêu cầu Tòa án phân chia di sản thừa kế theo pháp luật đối với di sản thừa kế bà Trần Thị B để lại là thửa đất số 203, tờ bản đồ số 14 địa chỉ tại thôn Bàn Nam, xã Thu Bồn, TP. Đà Nẵng được UBND huyện Duy Xuyên cấp GCNQSDĐ số N 728253 ngày 25/10/1999.

Ông Phạm Văn Đ trình bày: Ông thống nhất lời trình bày của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông. Nguồn gốc thửa đất số 203, tờ bản đồ số 14, địa chỉ tại thôn Bàn Nam, xã Thu Bồn, thành phố Đà Nẵng có được là do từ năm 1973, mẹ ông và bà ngoại ông về ở khu đất tại thôn Bàn Nam, xã Duy Châu (cũ) thửa đất trên là do ông bà ngoại ông khai hoang vỡ hóa. Ông bà ngoại ông để lại cho mẹ ông. Ông bà ngoại và mẹ ông hiện nay đã chết. Ông là người thừa kế duy nhất của mẹ ông. Vì vậy, ông có quyền được hưởng di sản thừa kế mẹ ông để lại chứ ông Linh và ông Sơn không có quyền lợi gì trong này vì thời điểm đó ông và vợ ông chung sống nhưng không đăng ký kết hôn không làm sổ hộ khẩu được nên mới nhập các con vào sổ hộ khẩu của mẹ ông là bà Bốn vào năm 1996 để các con ăn học. Đến năm 1999 thì mẹ ông được cấp GCNQSDĐ. Ông Sơn và ông Linh lúc đó còn nhỏ nên không có đóng góp gì, không có quyền gì trong thửa đất này cả. Thông tin ông Đào còn sống hay đã chết ông không biết vì từ nhỏ đến giờ ông Đào không nuôi ông, không có trách nhiệm gì với mẹ con ông và không có công sức đóng góp gì về thửa đất này.

Tại các văn bản trả lời ý kiến lập ngày 04/7/2022, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của ông Phạm Hồng S, ông Phạm Hồng L trình bày:

Về nguồn gốc thửa đất, người thừa kế như ý kiến trình bày của ông Đức là đúng. Khi Nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 203, tờ bản đồ số 14, diện tích 1223m², địa chỉ tại thôn Bàn Nam, xã Thu Bồn thì cấp cho hộ bà Trần Thị B từ năm 1999. Hộ gia đình bà Bốn thời điểm đó ngoài ông Đức còn có những thành viên khác là ông Phạm Văn Đ1, bà Phạm Thị Mỹ Nhựt, Phạm Hồng L và anh Phạm Hồng S. Vì vậy, ông Đức khởi kiện yêu cầu phân chia di sản thừa kế của bà Bốn để lại và ông Đức cho rằng mình là người duy nhất thuộc hàng thừa kế thứ nhất nên sẽ hưởng toàn bộ tài sản nêu trên, ông Linh không đồng ý. Ông Linh yêu cầu Tòa án phân chia di sản thừa kế của bà Bốn theo luật đất đai hiện hành thành 5 phần bằng nhau cho ông Đức, ông Đào, bà Nhựt, ông Sơn và ông Linh. Tại thời điểm cấp GCNQSDĐ anh em các ông còn nhỏ đương nhiên không có công sức tạo lập nên khối tài sản chung của hộ gia đình nhưng sau khi ông Đức bỏ đi anh em ông cũng có đóng góp công sức để giữ

gìn, tôn tạo khối tài sản chung của hộ gia đình thể hiện bằng việc trả nợ vay bà đồ 2 lần cho ông Đức.

Tại phiên tòa, ông Linh rút toàn bộ yêu cầu chia tài sản chung, không yêu cầu phản tố. Ông Linh chỉ yêu cầu ông Đức trả lại công sức ông và bà Ngọc đã bỏ tiền ra để bảo vệ khối tài sản do bà Bốn để lại gồm: trả cho ông Phạm Hồng L số tiền 10.000.000đ làm lại giấy chứng nhận vào năm 2020, trả cho bà Phạm Thị Hồng Ngọc 8 chỉ vàng mà bà Ngọc đã bỏ ra trả nợ cho Ngân hàng để lấy bà đồ về cho ông Đức.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Văn Đ1 trình bày:

Ông và bà Trần Thị B tự nguyện đến với nhau từ năm 1962, đến năm 1963 thì sinh ra ông Phạm Văn Đ. Ông và bà Bốn chung sống tại quận Sơn Trà, TP. Đà Nẵng. Đến năm 1975, ông và bà Bốn về tại thôn Bàn Nam, xã Duy Châu sinh sống và được Hợp tác xã cấp cho thửa đất có chiều ngang 21m, chiều dài 45m. Đến năm 1977, do vợ chồng bất đồng quan điểm nên ông đã bỏ đi vào Buôn Mê Thuộc sinh sống và đến năm 1980 ông có vợ khác và có 04 con. Hiện nay ông Phạm Văn Đ yêu cầu chia tài sản thừa kế thì ông đồng ý chia theo pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị Mỹ Nhựt trình bày:

Bà là con của ông Phạm Văn Đ. Bà là người ở chung hộ khẩu với bà Bốn chứ bà không có công sức tạo lập nên tài sản của bà Bốn là quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 203, tờ bản đồ số 14, diện tích 1223m², địa chỉ tại thôn Bàn Nam, xã Thu Bồn. Bà đề nghị Tòa án không đưa bà tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị Mỹ N trình bày:

Bà là con của ông Đức, là cháu gọi bà Trần Thị B là bà nội. Nếu được chia thừa kế thì bà cũng mong muốn được chia một phần. Nếu bà không thuộc hàng thừa kế thì bà cũng không yêu cầu chia. Bà chỉ yêu cầu ông Đức trả cho bà số vàng là 08 chỉ vàng.

Ý kiến của kiểm sát viên:

- Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân Khu vực 10 – Đà Nẵng thụ lý vụ án đúng thẩm quyền. Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án thực hiện các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của pháp luật; thời hạn chuẩn bị xét xử, việc chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng thời hạn. Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa thực hiện các hoạt động tố tụng tại phiên tòa theo đúng quy định. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng các quy định pháp luật về tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xác định nguyên đơn là người thừa kế duy nhất của bà Trần Thị B và chia thừa kế theo quy định

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] *Về quan hệ tranh chấp:* Ông Phạm Văn Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản do bà Trần Thị B để lại là quyền sử dụng thửa đất số 203, tờ bản đồ số 14, địa chỉ tại thôn Bàn Nam, xã Thu Bồn, thành phố Đà Nẵng nên quan hệ tranh chấp được xác định là: “*Chia di sản thừa kế*”.

[1.2] *Về thủ tục tố tụng:* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Phạm Văn Đ1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 BLTTDS, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Tại phiên tòa, các đương sự thống nhất không yêu cầu định giá lại và công nhận kết quả định giá ngày 25/8/2022. Sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện nên Hội đồng xét xử công nhận. Đồng thời, các đương sự thống nhất được việc giải quyết vụ án, tuy nhiên do vắng mặt người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Phạm Văn Đ1 nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[1.3] *Về thời hiệu khởi kiện:* Bà Trần Thị B chết ngày 17/02/2000, đến ngày 06/6/2022 nguyên đơn có đơn khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế là còn trong thời hạn khởi kiện.

[1.4] *Về người tham gia tố tụng:* Bà Phạm Thị Mỹ Nhựt là người có tên trong hộ khẩu của hộ bà Trần Thị B vào thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng bà Nhựt có văn bản trình bày ý kiến không có công sức gì đối với thửa đất, không liên quan đến tài sản và không tham gia tố tụng trong vụ án.

Ông Phạm Hồng L có đơn yêu cầu đưa bà Phạm Thị Mỹ N tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Xét thấy trong vụ án này, về hàng thừa kế thì bà Phạm Thị Mỹ N không thuộc hàng thừa kế của bà Trần Thị B. Việc tranh chấp về nghĩa vụ trả tiền theo lời khai của ông Linh giữa bà Ngọc và ông Đức thuộc phạm vi tranh chấp bằng một vụ án dân sự khi có yêu cầu của bà Ngọc nên Tòa án không đưa bà Phạm Thị Mỹ N vào tham gia tố tụng trong vụ án. Tuy nhiên tại phiên tòa, ông Đức và bà Ngọc thống nhất thỏa thuận được nội dung vụ án, ông Đức có nghĩa vụ trả tiền cho bà Ngọc nên Hội đồng xét xử bổ sung bà Ngọc tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Về nội dung:

[2.1] *Về hàng thừa kế:*

- Các đương sự thừa nhận bà Trần Thị B có con duy nhất là ông Phạm Văn Đ. Ngoài ra bà Bồn không có con riêng, người phải nuôi dưỡng. Cha mẹ bà Bồn đều chết trước bà Bồn. Đây là sự kiện pháp lý được các bên thừa nhận không phải chứng minh.

- Ông Phạm Văn Đ1 trình bày ý kiến thể hiện ông và bà Bồn là vợ chồng nhưng năm 1977, giữa ông và bà Bồn đã chấm dứt quan hệ chung sống như vợ chồng và năm 1980 ông đã có vợ khác là bà Huỳnh Thị Liên và có con sinh sống

ở Đắc Lắc từ đó đến nay. Mặc dù ông Phạm Văn Đ xác định ông là con của ông Phạm Văn Đ1 và bà Trần Thị B nhưng từ khi ông lớn lên, ông không biết cha ông là ai, ông Đào không có trách nhiệm gì với mẹ con ông. Xác minh tại địa phương thể hiện từ sau năm 1975, ông Đào không có chung sống với mẹ con bà Trần Thị B tại địa phương nên không có căn cứ xác định ông và bà Trần Thị B có quan hệ là vợ chồng.

Như vậy hàng thừa kế của bà Trần Thị B được xác định chỉ có ông Phạm Văn Đ là người thừa kế duy nhất.

[2.2] Về di sản thừa kế:

- Nguồn gốc thửa đất: Tại giấy xác nhận nguồn gốc đất ngày 27/5/2022 của UBND xã Duy Châu (cũ) xác định:

Thửa đất số 230, tờ bản đồ số 14, diện tích 1223m² (theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) tại thôn Bàn Nam, xã Duy Châu là do hộ Trần Thị B sử dụng từ trước 18/12/1980, có kê khai đăng ký theo Chỉ thị 299 tại thửa đất số 55, tờ bản đồ 01, diện tích 922 m², loại đất (T), đăng ký tại trang 23, Quyền 01, HTXNN II, sổ thứ tự 94, hiện hồ sơ 299 của hộ đang được lưu tại UBND xã. Hộ Trần Thị B có kê khai theo Nghị định 64/CP và được UBND huyện Duy Xuyên cấp giấy CN QSD đất số N 728253, sổ vào sổ 0031 QSDĐ/362/QĐ-UB ngày 25/10/1999.

Tại sổ địa chính, quyền số 2 lập ngày 06/02/1999 của UBND xã Duy Châu, tại trang số 35 (bút lục 74) và sổ đăng ký ruộng đất lập ngày 08/8/1988 thể hiện sổ thứ tự 94 tên chủ sử dụng đất là bà Trần Thị B.

Kết quả xác minh những người sống gần nhà bà Bốn cùng thời kỳ xác định bà Bốn và mẹ bà cùng với ông Đức sinh sống trên thửa đất đó từ trước đến nay. Ngoài ra không có ai khác.

Quá trình sử dụng đến năm 1999, bà Trần Thị B được UBND huyện Duy Xuyên (cũ) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên hộ bà Trần Thị B. Thời điểm này, hộ bà Trần Thị B có các thành viên: Trần Thị B, Phạm Văn Đ, Phạm Hồng S, sinh năm 1987; Phạm Hồng L, sinh năm 1991; Phạm Thị Mỹ Nhựt, sinh năm 1983. Vào thời điểm thực hiện đăng ký kê khai thì bà Bốn kê khai trên cơ sở công sức khai hoang, sử dụng từ trước năm 1980, ông Sơn, bà Nhựt, ông Linh là con của ông Đức và sinh sau năm 1980. Các ông bà cũng thừa nhận không có công sức gì trong việc khai hoang thửa đất.

Từ đó có cơ sở xác định: Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 230, tờ bản đồ số 14, diện tích 1.199m² (theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) trong đó có 922 m² đất ở và 277m² đất cây lâu năm tại thôn Bàn Nam, xã Duy Châu là của cá nhân bà Trần Thị B.

Kết quả thẩm định của Tòa án và phiếu đo đạc chỉnh lý thửa đất số 32/PĐĐCL ngày 23/4/2025 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Duy Xuyên thể hiện diện tích đo đạc sau chỉnh lý là 1.194,9 m². Diện tích giảm 4,1 m². Các đương sự đồng ý với kết quả đo đạc.

[2.3] Chia thừa kế: Bà Trần Thị B chết vào ngày 17/02/2000 không để lại di chúc nên di sản của bà được phân chia theo pháp luật. Ông Phạm Văn Đ là người thừa kế duy nhất của bà Trần Thị B nên xác định ông Phạm Văn Đ được khai nhận toàn bộ di sản do bà Trần Thị B để lại là Quyền sử dụng đất tại thửa đất số

230, tờ bản đồ số 14, diện tích 1.194,9m² đất ở và đất cây lâu năm tại thôn Bàn Nam, xã Thu Bồn, Thành phố Đà Nẵng.

[3] Về chi phí tố tụng khác: Chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản do ông Phạm Văn Đ tự nguyện chịu nên không xem xét.

[4] Về án phí: Ông Phạm Văn Đ là người cao tuổi có đơn xin được miễn tiền án phí nên Hội đồng xét xử chấp nhận miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 649, 650, 651 Bộ luật dân sự 2005;

Căn cứ Căn cứ Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án, tạm ứng án phí, tạm ứng lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn Đ. Xác nhận quyền thừa kế theo pháp luật của ông Phạm Văn Đ đối với tài sản của bà Trần Thị B.

Giao cho ông Phạm Văn Đ được nhận và sở hữu, sử dụng, định đoạt đối với Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 230, tờ bản đồ số 14, diện tích 1.194,9m² đất ở và đất cây lâu năm tại thôn Bàn Nam, xã Thu Bồn, Thành phố Đà Nẵng đã được UBND huyện Duy Xuyên (cũ, nay là UBND xã Thu Bồn) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số N 728253 ngày 25/10/1999, chỉnh lý biến động trang 4 vào ngày 23/10/2020.

Vị trí tứ cận như sau:

- Phía Bắc giáp đường đất;
- Phía Đông giáp đất ông Trần Văn Đông và và Nguyễn Thị Ba;
- Phía Tây giáp với đất ông Lê Văn Thảo và ông Nguyễn Tường;
- Phía Nam giáp đất ông Trần Văn Ân;

Đương sự có trách nhiệm liên hệ với cơ quan chuyên môn có thẩm quyền để hoàn tất thủ tục giấy tờ thừa kế theo quy định.

2. Ông Phạm Văn Đ có nghĩa vụ trả cho ông Phạm Hồng L số tiền 10.000.000đ (*Mười triệu đồng*) và trả cho bà Phạm Thị Hồng Ngọc số vàng là 08 (*Tám*) chỉ vàng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Ông Phạm Văn Đ được miễn tiền án phí. Hoàn trả cho ông Phạm Văn Đ số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm ông đã nộp là 8.750.000 đồng (*Tám triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng*) theo biên lai thu tiền số 0002062 ngày 15/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Duy Xuyên (nay là Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng).

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (29/8/2025). Thời hạn kháng cáo

người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

Trường hợp Quyết định, bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. Đà Nẵng;
- VKSND Khu vực 10- Đà Nẵng;
- THADS TP. Đà Nẵng;
- Các đương sự;
- Lưu HS,AV.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Võ Thị Tám

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM

THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Trung Thiêng – Nguyễn Trường Sơn

Võ Thị Tám

Nơi nhận:

- TAND TP. Đà Nẵng
- VKSND Khu vực 10- Đà Nẵng
- Cục THADS TP. Đà Nẵng.
- Các đương sự
- Lưu HS,AV

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Võ Thị Tám

